# **Tuần 18, 19**

# **BÀI 12: CÁC VƯƠNG QUỐC Ở ĐÔNG NAM Á TRƯỚC THẾ KỈ X – Tiết 53, 56**

***Thời gian thực hiện: 2 tiết***

***Ngày dạy: 4/1/2023 Lớp: 6a2, 6a4***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Sự ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á trước thế kỉ VII.

- Một số đặc điểm căn bản về quá trình hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

 Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

 Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực riêng:

 Trình bày được vị trí địa lí của khu vực.

 Miêu tả được sự xuất hiện của các vương quốc cổ trước thế kỉ VII.

 Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

**3. Phẩm chất**

- Nhân ái, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá, học hỏi để hoà nhập.

- Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá chung của khu vực Đông Nam Á.

- Giáo dục tinh thần chung thống nhất của khu vực và hướng tới cộng đồng chung ASEAN.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGV, SHS Lịch sử và Địa lí 6.

- Bản đồ các nước Đông Nam Á ngày nay, Lược đồ vị trí các vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII, Lược đồ các quốc gia phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SHS Lịch sử và Địa lí 6.

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1 : Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho HS chơi trò Ai nhanh hơn:* Em hãy xác định tên của các quốc gia Đông Nam Á qua quốc kì.

*****- HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời câu hỏi:*Xác định tên của các quốc gia Đông Nam Á qua quốc kì: Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan, Timor Leste, Việt Nam.

+ Các quốc gia xếp theo thứ tự Alpabet và theo chiều kim đồng hồ.

***-*** *GV đặt vấn đề:* Từ những thê kì tiếp giáp Công nguyên, các vương quốc cổ đầu tiền của khu vực Đông Nam Á đã lẫn lượt xuất hiện. Những vùng đất hoang sơ dần dần nhường chỗ cho khu dân cư, làng xóm, bến thuyền và đô thị. Một Đông Nam Á như chúng ta biết ngày nay đã bắt đầu từ những vương quốc đầu tiên ra đời cách đây trên dưới 2.000 năm đó. Để tìm hiểu kĩ hơn về những vấn đề này chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay - Bài 12: Các vương quốc Đông Nam Á trước thế kỉ X.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2: Sự xuất hiện của các vương quốc cổ từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được một số vương quốc cổ lần lượt xuất hiện ở Đông Nam Á vào những thế kỉ đầu Công nguyên: Chăm-pa, Phù Nam, Pê-gu, Tha-tơn; Phù Nam là vương quốc phát triển nhất trong bảy thế kỉ đầu Công nguyên với thương cảng Óc Eo (An Giang, Việt Nam) sầm uất, rực rỡ một thời.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV giới thiệu kiến thức: Một thời gian dài sau khi nhà nước Văn Lang, Âu Lạc của người Việt ở đồng bằng sông Hồng bị phong kiến phương Bắc đô hộ, một số vương quốc cổ lần lượt xuất hiện ở Đông Nam Á vào những thế kỉ đầu Công nguyên.  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II và trả lời câu hỏi: Điều kiện tự nhiên thuận lợi nào cho sự ra đời của các vương quốc cổ?  - GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 1:  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_36.pngC:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_27.pngDựa vào Bản đồ 12.1 và Lược đồ 12.2, em hãy xác định vị trí các vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII. Các vương quốc đó thuộc quốc gia Đông Nam Á nào ngày nay?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Sự xuất hiện của các vương quốc cổ từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII**  - Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sự ra đời của các vương quốc cổ:  + Có những dòng sông lớn đổ ra biển, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và giao lưu với thế giới bên ngoài.  + Sự phát triển kinh tế, kĩ thuật của các tộc người ở Đông Nam Á vào những thế kỉ trước Công nguyên đến đầu Công nguyên, đặc biệt là nghề nông trồng lúa nước và kĩ thuật luyện kim càng ngày càng tiến bộ. Mặt khác, sự giao lưu kinh tế, văn hoá với Ấn Độ, Trung Quốc cũng là nền tảng quan trọng đưa đến sự ra đời các quốc gia sơ kì Đông Nam Á.  - Vị trí các vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII: xuất hiện ở cả lục địa và hải đảo.  + Các nhà nước đầu tiên của khu vực như: Phù Nam, Chăm-pa, Đốn Tốn, Xích Thổ, muộn hơn là Chân Lạp, Thaton, Pegu. Các tiểu quốc nhỏ vùng hải đảo như Cantoli, Melayu, Taruma cũng lần lượt ra đời.  - Các vương quốc đó thuộc quốc gia Đông Nam Á ngày nay:  + Pe-gu, Tha-ton —› My-an-ma.  + Chăm-pa, Phù Nam —› Việt Nam.  + Đốn Tốn, Xích Thố —› Miền Nam Thái Lan và Ma-lai-xi-a.  + Malayu, Taruma —› In-đô-nê-xi-a. |

**Hoạt động 3 Sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ đầu thế kỉ VII đến thế kỉ X**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được sự xuất hiện, hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ đầu thế kỉ VII đến thế kỉ X đã tạo cơ sở cho sự phát triển của khu vực Đông Nam Á giai đoạn sau đó (thế kỉ X-XV).

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV giới thiệu kiến thức: Thế kỉ VII, Phù Nam sụp đổ, thương cảng Óc Eo cũng lụi tàn. Con đường giao thương ở Đông Nam Á cũng bắt đầu chuyển hướng xuống vùng eo biển Ma-lắc-ca. Nhiều quốc gia mới xuất hiện ở cả Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_41.png- GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận, quan sát Lược đồ 12.3, Bản đồ 12.1 và trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 2: Em hãy xác định những vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X, cho biết vị trí của các vương quốc đó thuộc các quốc gia Đông Nam Á nào ngày nay?  - GV giới thiệu kiến thức: Sự xuất hiện, hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ đầu thế kỉ VII đến thế kỉ X đã tạo cơ sở cho sự phát triển của khu vực Đông Nam Á giai đoạn sau đó (thế kỉ X-XV).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Sự hình thành và phát triển của các vương quốc phong kiến từ đầu thế kỉ VII đến thế kỉ X**  - Xác định những vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X, và vị trí của các vương quốc đó thuộc các quốc gia Đông Nam Á nào ngày nay:  + Pagan, Pequ, Thaton thuộc Mi-an-ma ngày nay.  + Ha-ri-pun-giay-a, Đva-ra-va-ti thuộc Thái Lan ngày nay.  + Cam-pu-chia vẫn thuộc Cam-pu-chia ngày nay.  + Đại Cổ Việt, Chăm-pa thuộc Việt Nam ngày nay.  + Tu-ma-sic thuộc Xing-ga-po ngày nay.  + Sri-vi-giay-a và Ka-lin-ga thuộc In-đô-nê-xi-a ngày nay. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết .

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SHS trang 66:* Em hãy cho biết những điểm tương đồng về vị trị địa lí của các vương quốc cổ Đông Nam Á?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

Những điểm tương đồng về vị trị địa lí của các vương quốc cổ Đông Nam Á: nơi có

những dòng sông lớn đổ ra biển, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và giao lưu với thế giới bên ngoài.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 4 phần Vận dụng SHS trang 66:* Sông Mê Công gắn bó với lịch sử của những vương quốc cổ nào ở Đông Nam Á? Những vương quốc đó thuộc về các quốc gia nào ngày nay? Tham khảo thêm bản đồ 12.1 và lược đồ 12.2 cho câu trả lời của em

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

+ Sông Mê Công gắn bó với lịch sử của những vương quốc cổ: Phù Nam, Chân Lạp. + Những vương quốc đó thuộc về các quốc gia ngày nay: Phù Nam thuộc Việt Nam, Chân Lạp nay là Cam-pu-chia. Ngoài ra, sông Mê Công chảy trên lãnh thổ của cả Lào, Myanmar và Thái Lan ngày nay.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

Tuần 19 BÀI 13. GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HOÁ Ở

ĐÔNG NAM Á (TỪ ĐẨU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THÊ KỈ X) – Tiết 57

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**Ngày: 13/1/2023 Lớp: 6a2, 6a4**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Mối liên hệ giữa khu vực Đông Nam Á với thế giới bên ngoài từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

2. Về kĩ năng, năng lực

- Kĩ năng đọc bản đồ (chỉ ra con đường quốc tế trên vùng biển Đông Nam Á trước thế kỉ X

- Xác định được chủ quyền biển Đông thuộc về vương quốc nào ngày xưa và quốc gia nào ngày nay.

- Trình bày được con đường giao thương trên biển ở khu vực Đông Nam Á.

- Hiểu được ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đối với sự phát triển của lịch sử khu vực trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên.

- Phân tích được những tác động của quá trình giao lưu thương mại và văn hoá đối với khu vực trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên.

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm: từ sự thật lịch sử về con đường giao thương và giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á, giáo dục chủ quyền biển đảo cho HS.

- Nhân ái: Giáo dục tinh thần chia sẻ giữa các nền văn hoá (học hỏi hòa nhập, không thôn tính, không xâm lược.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.

**b. Nội dung:**

**GV:** Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.

**HS:** quan sát hình ảnh, làm việc nhóm để trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Chiếu hình ảnh về Di tích lịch sử Óc Eo và đặt câu hỏi:





*? Những hình ảnh trên gợi em nhớ đến địa danh nào ở Việt Nam ?*

*? Địa danh đó có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử nước ta ?*

GV đặt vấn đề : Họa sĩ minh họa đã miêu tả sự giầu có của cảng thị cổ Óc Eo trên những hiện vật tìm thấy thuộc nền văn hóa Óc Eo và những di tích kiến trúc còn lại dưới chân núi Thoại Sơn. Câu chuyện về cảng thị Óc Eo đã cung cấp cho các nhà khoa học những bằng chứng quan trọng để nghiên cứu về giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á mười thế kỉ đầu công nguyên.

*- Cách 2 : GV kể cho HS câu chuyện***« Một thành phố chứa đấy châu báu »**

Địa điểm di tích Óc Eo nằm ở chân núi Ba Thê, nay thuộc xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉn An Giang, nay đất bồi đẩy nó vào sâu, cách biển 20 km, nhưng ngược về đầu Công nguyên, Óc Eo nằm ở vị trí “bước một bước ra tới biển“ Những năm 40 của thế kỉ XX, nhiều người dân khi làm ruộng nhặt được khá nhiều vật quý như chuỗi vòng đá quý, nhẫn vàng bạc, mặt ngọc, nhìn không khác mấy với những đồ nữ trang trưng bày trên cửa hàng vàng bạc thời nay.

Do vậy, cuối tháng 2 - 1944, chính quyền Pháp đã tổ chức khai quật di tích Óc Eo mà người đứng đầu là nhà khảo cổ học lừng danh L. Malleret. Một số lượng đồ trang sức rất lớn đã được L. Malleret công bố bao gồm: 1.311 món nữ trang vàng, cân nặng 1.120 gam, sau đó ông còn thu mua lại từ những người đào trộm di tích hàng trăm món, cân nặng được 453 gam, đáng kể có một thỏi vàng nguyên khối nặng đến 378 gam, tức khoảng 10 lạng; số hạt ngọc và đá quý đào và thu lại được là 10.062, trong đó có 779 viên là đào được, còn lại ông thu từ trẻ con nhặt được khi đi theo đoàn khảo cổ. Sau năm 1975, phát hiện thêm khoảng 100 món trang sức vàng, 443 hạt đá quý, hơn 120 con dấu (triện), 2.000 mảnh vàng (có thể là vật cúng đặt ở các đền chùa).

*(Lược trích từ Lương Ninh, Vương quốc Phù Nam Lịch sử và Văn hóa, NXB văn hóa thông tin 2005 tr 292)*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**HS:** Quan sát, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

**HS**:

- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2: 1. Quá trình giao lưu thương mại**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **a) Mục tiêu**: HS nắm được quá trình giao lưu thương mại giữa các quốc gia khu vực Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Description: C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_2.png**- GV giới thiệu kiến thức:Vào những thế kỉ đầu Công nguyên, nhu cầu trao đổi hàng hoá giữa Trung Quốc, Ấn Độ và xa hơn là Địa Trung Hải đã mở ra tuyến đường thương mại quan trọng trên vùng biển Đông Nam Á. Thuyền buôn của nhiều nước trên thế giới đã có mặt tại đây, mở ra quá trình giao lưu thương mại giữa Đông Nam Á với thế giới bên ngoài.  - GV yêu cầu HS quan sát Lược đồ 13.4 và trả lời câu hỏi: *Em hãy mô tả con đường mà thương nhân nước ngoài đi qua vùng biển Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên?*  Description: C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_3.png  Description: C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_4.png- GV yêu cầu HS quan sát Hình 13.1, 13.2, 13.3 SHS trang 68 và trả lời câu hỏi: *Những hiện vật trong các tư liệu đó kể lại chuyện gì đã xảy ra trong lịch sử khu vực những thế kỉ đầu Công nguyên?*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, đọc thông mục I SHS trang 67 và trả lời câu hỏi:  *? Trình bày hoạt động giao lưu thương mại ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên.*  *? Giao lưu thương mại đã dẫn đến những thay đổi nào ở khu vực Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | | - Vào những thế kỉ đầu Công nguyên nhu cầu trao đổi hàng hóa giữa Trung Quốc, Ấn Độ và xa hơn là Địa Trung Hải đã mở ra tuyến đường thương mại quan trọng trên vùng biển Đông Nam Á.  - Hoạt động giao lưu thương mại ở Đông Nam Á trong mười thế kỉ đầu Công nguyên:  + Là nơi cung cấp nước ngọt, lương thực.  + Là nơi trao đổi những sản vật có giá trị như: hồ tiêu, đậu khấu, ngọc trai, san hô, đặc biệt là trầm hương – một mặt hàng có giá trị cao.  - Giao lưu thương mại đã thúc đẩy giao lưu văn hóa tác động trực tiếp đến sự ra đời của những vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X. |
| **Hoạt động 3: Quá trình giao lưu văn hóa** | | |
| **a) Mục tiêu**: Thông qua hoạt động, HS biết được trên con đường giao lưu thương mại, các nền văn hóa ngoài khu vực đã lan tỏa đến Đông Nam Á; văn hóa Ấn Độ đã lan tỏa đến Đông Nam Á trên một số lĩnh vực: Hin-đu giáo, phật giáo, chữ viết, kiến trúc nghệ thuật.  **b) Nội dung**:  - GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II và quan sát Hình 13.6, 13.7, 13.8, trả lời câu hỏi:  *?Giao lưu văn hóa đã tác động như thế nào đến văn hóa Đông Nam Á?*  *?Đọc tư liệu 13.5 và cho biết nền văn hóa cổ đại nào ở Châu Á ảnh hưởng đến khu vực Đông Nam Á?*  *?Em hãy nhận xét về quá trình giao lưu văn hóa ở khu vực Đông Nam Á mười thế kỉ đầu Công nguyên?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang phần luyện tập. | + Tôn giáo: Hin-đu giáo và Phật giáo nhanh chóng hoà quyện với tín ngưỡng bản địa  - Phù Nam, các vương quốc trên đảo Xu-ma-tra, đảo Gia-va và vương quốc Pa-gan của người Miến chịu ảnh hưởng từ Phật giáo. Hin-đu giáo lại khá phổ biến ở Chăm-pa, Chân Lạp.  + Chữ viết: chữ Phạn trở thành văn tự chính của nhiều vương quốc trong buối đầu thành lập.  + Nghệ thuật: khu đền tháp Mỹ Sơn (Việt Nam) và quần thể Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a) là hai công trình kiến trúc tiêu biểu của Đông Nam Á trước thế kỉ X. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chứcthực hiện**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SHS trang 70: Nêu một ví dụ cho thấy sự sáng tạo của cư dân Đông Nam Á khi tiếp thu văn hóa Ấn Độ.*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Sự sáng tạo của cư dân Đông Nam Á khi tiếp thu văn hóa Ấn Độ:chữ Phạn trở thành văn tự chính của nhiều vương quốc trong buối đầu thành lập. Về sau, đã dần cải biến chữ Phạn thành chữ viết riêng như chữ Chăm cổ, chữ Khơ-me cổ, chữ Mã Lai cổ,...

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ… nơi mình sinh sống).

**d) Tổ chứcthực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 70:* Dựa vào Lược đồ 13.4, đối chiếu với Bản đồ 12.1, em hãy cho biết con đường thương mại ở Đông Nam Á đi qua những vùng biển, đại dương nào ngày nay.

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Con đường thương mại ở Đông Nam Á đi qua những vùng biển, đại dương ngày nay: biển An-da-man ở Đông nam vịnh Ben-ga-, miền Nam Mi-an-ma, miền Tây Thái Lan và miền Đông quần đảo An-da-man thuộc Ấn Độ Dương. Vịnh Ben-gan là điểm bắt đầu của con đường biển nối miền Nam Ấn Độ với eo Kra và bán đảo Ma-lai-xi-a.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

‘Ngày 29 tháng 12 năm 2023

Kí duyệt

Lê Minh Khánh

**Tuần 20 BÀI 14 – NHÀ NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC – Tiết 58, 59**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

Ngày dạy: 31/01/2023 Lớp: 6a2, 6a4

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Thông qua bài học, HS nắm được:

- Quá trình dựng nước và buổi đầu giữ nước của tổ tiên người Việt.

- Những nhà nước cổ đại đầu tiên của người Việt: nước Văn Lang và nước Âu Lạc.

- Những phong tục trong văn hoá Việt Nam hình thành từ thời Văn Lang - Âu Lạc.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

 Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

 Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực riêng:

 Nêu được khoảng thời gian thành lập nước Văn Lang, Âu Lạc.

 Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc.

 Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.

 Liên hệ được những phong tục trong văn hoá Việt Nam hiện nay kế thừa từ thời Văn Lang - Âu Lạc.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

- Yêu nước, ghi nhớ công ơn xây dựng đất nước của tổ tiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGV, SHS Lịch sử và Địa lí 6.

- Các kênh hình phóng to.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SHS Lịch sử và Địa lí 6.

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1 : Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

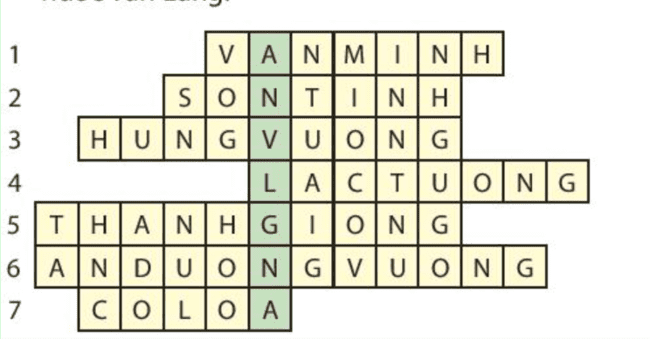
*- GV cho HS chơi trò chơi Giải mã ô chữ:*

Câu 1 (7 chữ cái): Trình độ phát triển đạt đến mức độ nhất định của xã hội loài người, có nền văn hoá vật chất, tinh thần với những đặc trưng riêng.

Câu 2 (7 chữ cái): Thần núi Tản Viên, con rể của Hùng Vương thứ 18.

Câu 3 (9 chữ cái): Người đứng đầu nhà nước Văn Lang.

Câu 4 (8 chữ cái): Chức quan đứng đầu các bộ thời Văn Lang.

Câu 5 (10 chữ cái): Tên truyền thuyết nói về cuộc đấu tranh chống giặc Ân của nhân dân ta.

Câu 6 (12 chữ cái): Vua nước Âu Lạc.

Câu 7 (5 chữ cái): Tên kinh đô nước Âu Lạc.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời câu hỏi:*

*- GV đặt vấn đề:* Dân tộc Việt Nam có bề dày hàng ngàn năm lịch sử. Trong tâm linh và tình cảm của những người dân đất Việt, cha Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ là khởi nguồn của dân tộc và các vua Hùng là những người có công dựng nước. Người Việt có câu “Cây có cội, nước có nguồn”,  ngay từ khi mới đi học, chúng ta đã biết đến đạo lí “uống nước nhớ nguồn” “cỏ cây từ đất nẻ sinh ra, con người thì phải có tổ tiên ông bà”. Tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử nước nhà là cách thể hiện lòng yêu nước, trách nhiệm với tổ tiên, với nòi giống, với quốc gia. Trong bài học hôm nay - Bài 14: Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc, chúng ta sẽ tìm hiểu về hai quốc gia đầu tiên của người Việt: Văn Lang, Âu Lạc.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2: Nhà nước Văn Lang**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được sự ra đời và tổ chức nhà nước Văn Lang.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_1.png- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh Con rồng cháu, Sơn Tinh Thủy Tinh, Thánh Gióng  *Con rồng cháu tiên*  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_2.png  *Thánh Gióng*  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_3.png**  *Sơn Tinh Thủy Tinh*  + GV chia HS thành các nhóm, yêu cầu HS thảo luận, trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 1: Em hãy phân biệt huyền thoại lịch sử và sự thật lịch sử về sự ra đời của nhà nước Văn Lang, đánh dấu (x) vào ô tương ứng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Truyền thuyết** | **Lịch sử** | | Con rồng cháu tiên |  |  | | Hùng Vương - vua nước Văn Lang |  |  | | Di tích làng Cả |  |  | | Kháng chiến chống quân Tần (214-208 TCN) |  |  | | Sơn Tinh Thủy Tinh |  |  | | Thánh Gióng |  |  |   - GV giới thiệu kiến thức: Từ khoảng 2000 năm TCN, những nhóm cư dân Việt cổ đã bắt đầu mở rộng địa bàn cư trú, di cư từ vùng núi, trung du xuống đồng bằng châu thổ các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay, sau là vùng cư trú chủ yếu của cư dân nước Văn Lang, Âu Lạc.  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục I.1 SHS trang 73 và trả lời câu hỏi:  + Cho biết nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào?  + Nêu phạm vi của nhà nước Văn Lang.  + Kinh đô của nhà nước Văn Lang thuộc địa phương nào ngày nay?  - GV mở rộng kiến thức: Do sự phát triển của công cụ đồng và sắt nên đời sống sản xuất có sự chuyển biến, cùng với nhu cầu làm thuỷ lợi (thể hiện qua truyền thuyết Sơn Tinh Thuỷ Tinh) và chống ngoại xâm (thể hiện qua truyền thuyết Thánh Giáng) đã thúc đấy sự ra đời Nhà nước đầu tiên - Nhà nước Văn Lang. Đây là điểm tương đồng với sự hình thành các nhà nước phương Đông khác.  **-** GV giới thiệu kiến thức:  + Sự ra đời của nhà nước Văn Lang đã mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc. Là dấu mốc kết thúc thời kì nguyên thủy trên đất nước Việt Nam, tạo cơ sở, tiền đề cho sự hình thành và phát triển nền văn minh của thời kì dựng nước trong lịch sử Việt Nam.  + Nhà nước Văn Lang ra đời - mốc đánh dấu lịch sử dựng nước của người Việt, phù hợp với những bằng chứng khảo cổ học (văn hoá Đông Sơn), những mốc thời gian khác như “cách đây 4.000 năm” hoặc “nước ta có lịch sử 4.000 năm dựng nước” là không hợp lí.  - GV yêu cầu HS đọc mục Em có biết SHS trang 73 để biết thêm Hùng Vương thuộc họ Hồng Bàng, dòng dõi “tiên rồng”.  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_7.png**- GV yêu cầu HS quan sát Sơ đồ 14.2, đọc thông tin mục I.2 SHS trang 74 và cho biết: Trình bày tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang.  - GV giải thích cho HS các khái niệm:  + Bồ chính: già làng đứng đầu chiếng, chạ thời Hùng Vương.  + Lạc hầu: chức quan phụ trách việc dân sự (quan văn) thời Hùng Vương - An Dương Vương.  + Lạc tướng: chức quan phụ trách việc quân sự (quan võ) thời Hùng Vương - An Dương Vương.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi: Em có nhận xét gì về tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Nhà nước Văn Lang**  ***a. Sự ra đời nhà nước Văn Lang***  - Phân biệt huyền thoại lịch sử và sự thật lịch sử về sự ra đời của nhà nước Văn Lang, đánh dấu (x) vào ô tương ứng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Truyền thuyết** | **Lịch sử** | | Con rồng cháu tiên | x |  | | Hùng Vương - vua nước Văn Lang |  | x | | Di tích làng Cả |  | x | | Kháng chiến chống quân Tần (214-208 TCN) |  | x | | Sơn Tinh Thủy Tinh | x |  | | Thánh Gióng | x |  |   - Nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng thế kỉ VII TCN. Thủ lĩnh của bộ lạc Văn Lang đã thu phục các bộ lạc khác, tự xưng là Hùng Vương, thành lập nhà nước Văn Lang.  - Phạm vi của nhà nước Văn Lang: ven sông Hồng từ Việt Trì (Phú Thọ) đến chân núi Ba Vì (Hà Nội) ngày nay.  - Kinh đô của nhà nước Văn Lang thuộc Việt Trì (Phú Thọ) ngày nay.  ***b. Tổ chức nhà nước Văn Lang***  - Tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang:  + Hùng Vương chia nước làm 15 bộ, giúp việc cho vua là các Lạc hầu, Lạc tướng. Đứng đầu các chiềng, chạ là Bồ chính. Con trai vua gọi là Quan lang, con gái vua gọi là Mị nương. Xã hội bao gồm những người quyền quý, dân tự do (nông dân công xã, thợ thủ công) và nô tì.  + Nhà nước Văn Lang chưa có luật pháp và quân đội. Khi có chiến tranh, nhà nước huy động thanh niên trai tráng ở các chiềng, chạ tập hợp lại cùng chiến đấu.  - Nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang:  + Nhà nước Văn Lang đã được hình thành từ trung ương đến địa phương nhưng sơ khai, tổ chức đơn giản, chia làm 3 cấp (chỉ có vài chức quan).  + Nhà nước chưa có quân đội, chưa có luật pháp. Nhà nước Văn Lang tuy đơn giản nhưng đã là tổ chức chính quyền cai quản nhà nước. |

**Hoạt động 3: Nhà nước Âu Lạc**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được sự ra đời và tổ chức nhà nước Âu Lạc.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_1.png- GV yêu cầu HS đọc nội dung mục II, quan sát Lược đồ 14.4 SHS trang 74,75 và trả lời câu hỏi:  + Nhà nước Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh nào?  + Xác định vị trí kinh đô Âu Lạc trên lược đồ và nêu chức năng của kinh đô đó.  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 14.3 và đọc mục Em có biết SHS trang 75 để biết thêm về thành Cổ Loa: Thành Cổ Loa gồm ba vòng khép kín được xây theo hình xoáy trôn ốc, có hào bao quanh phía ngoài, các hào nối với nhau và nối với sông Hồng. Nhờ vậy, dù nhiều lần bị quân của Triệu Đà tấn công, nhưng nhờ có thành cao, hào C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_5.pngsâu, vũ khí tốt (lẫy nỏ và mũi tên đồng) nên quân dân Âu Lạc đã lần lượt đánh bại các cuộc tấn công của quân xâm lược. Đó là một biểu tượng của nền văn minh Việt cổ rất đáng tự hào, minh chứng cho trí tuệ của người Việt cổ trong bối cảnh cách đây 2000 năm, khi trình độ kĩ thuật chung còn rất thấp kém.  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_7.png- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, quan sát Hình 14.5, 14.6 SHS trang 76 và trả lời câu hỏi:  + Vì sao thời Văn Lang tư liệu chủ yếu là công cụ trong khi thời Âu Lạc, tư liệu chủ yếu là vũ khí?  + Qua hình ảnh nỏ bắn tên và mũi tên đồng, em có nhận xét gì về kĩ thuật luyện kim và trình độ quân sự thời Âu Lạc?  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em hãy nêu điểm mới của tổ chức nhà nước Âu Lạc so với nhà nước Văn Lang.  **-** GV mở rộng kiến thức: Nước Âu Lạc được thành lập năm 208 TCN, có thế mạnh hơn Văn Lang, xây dựng thành Cổ Loa kiên cố và nhiều vũ khí tốt nhưng chỉ tồn tại được mấy thập kỉ. Năm 179 TCN. Âu Lạc bị nước Nam Việt, đúng đầu là Triệu Đà (Trung Quốc) chiếm. Phía kẻ xâm lược Triệu Đà âm mưu, xảo quyệt cùng việc vua Thục chủ quan, thiếu phòng bị cấn thiết đã đặt dấu chấm hết nến độc lập của Nhà nước Âu Lạc và khép lại thời đại dựng nước ở Việt Nam.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Nhà nước Âu Lạc**  - Hoàn cảnh ra đời nhà nước Âu Lạc: Năm 214 TCN, quân Tần ở phương Bắc đánh xuống vùng đất sinh sống của các bộ tộc Việt. Người Lạc Việt và người Âu Việt dũng cảm chiến đấu chống quân Tần dưới sự lãnh đạo của Thục Phán. Năm 208 TCN, tướng giặc là Đó Thư bị giết, quân Tần gặp nhiều khó khăn, phải rút về nước. Sau kháng chiến chống Tần, Thục Phán xưng là An Dương Vương. Ông đổi tên nước thành Âu Lạc.  - Kinh đô của Âu Lạc ở Phong Khê (nay là Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội).  + Chức năng của kinh đô: Thời Âu Lạc, người Việt tiếp tục đối mặt với âm mưu xâm lược của các triều đại phong kiến Trung Quốc. An Dương Vương đã cho xây thành Cổ Loa “dài đến ngàn trượng, cao và xoáy trôn ốc” để phòng vệ.  - Thời Văn Lang tư liệu chủ yếu là công cụ trong khi thời Âu Lạc, tư liệu chủ yếu là vũ khí vì: Thời Âu Lạc thường xuyên phải chống ngoại xâm, giữ nước nên tư liệu chủ yếu là vũ khí, thành Cổ Loa cũng là quân thành; kĩ thuật luyện kim và trình độ quân sự thời Âu Lạc cao hơn thời Văn Lang).  - Kĩ thuật luyện kim và trình độ quân sự thời Âu Lạc cao hơn thời Văn Lang.  - Điểm mới của tổ chức nhà nước Âu Lạc so với nhà nước Văn Lang: Thời Âu Lạc -  buổi đầu của giữ nước. Vua có quyền thế hơn trong việc trị nước, có quân đội và vũ khí tốt. Lãnh thổ mở rộng hơn (vượt ra khỏi vùng châu thổ sông Hồng) nên nước được chia thành nhiều bộ hơn. |

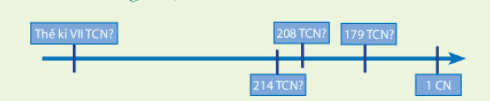
**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết .

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*****- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SHS trang 76:* Em hãy cho biết các mốc thời gian sau gắn với sự kiện nào của thời kì Văn Lang, Âu Lạc?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Các mốc thời gian đã cho gắn với sự kiện của thời kì Văn Lang, Âu Lạc:

+ Thế kỉ VI TCN: nước Văn Lang thành lập.

+ Năm 218 TCN - 214 TCN: quân Tần đánh xuống Văn Lang.

+ Năm 208 TCN: kháng chiến chống Tần kết thúc. Âu Lạc thành lập.

+ Năm 179T CN: Âu Lạc bị sáp nhập vào Nam Việt.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 76:* Từ truyền thuyết Con rồng cháu tiên, em hiểu thế nào về hai chữ “đồng bào” và truyền thống “tương thân tương ái” của người Việt?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

+ “Đồng bào”: cùng chung một bào thai, xuất xứ từ truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên, các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có cùng nguồn cội, anh em chung một nhà.

- Truyền thống “tương thân tương ái” của người Việt Nam: “Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**Tuần 21**

**BÀI 15 : ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT THỜI KÌ VĂN LANG, ÂU LẠC – tiết: 61, 62**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

Ngày dạy: 07/02/2023 Lớp: 6a2, 6a4

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Đời sống vật chất, tinh thần của người Việt thời Văn Lang, Âu Lạc.

- Những đặc trưng văn hoá của người Việt hình thành từ thời Văn Lang, Âu Lạc.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

 Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

 Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực riêng:

 Mô tả được đời sống vật chất và tỉnh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

 Trình bày được những đặc trưng kinh tế, văn hoá dân tộc đã được hình thành từ thời kì này.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức trách nhiệm giữ gìn, bảo tổn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

- Yêu nước, sẵn sàng góp sức mình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGV, SHS Lịch sử và Địa lí 6.

- Các kênh hình phóng to.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SHS Lịch sử và Địa lí 6.

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**Hoạt động 1 : Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt vấn đề:* “Bổng bồng bông bổng bồng bông/Khăn điều mẹ bễ con rồng cháu tiên ”. Lời hát ru có từ bao đời nay đưa chúng ta trở về nguồn cội của dân tộc mình. Cha ông ta đã làm nhà, xây làng, dựng nước, chống giặc ngoại xâm, để lại cho chúng ta một giang sơn gấm vóc, một nền văn hoá phù hợp với điều kiện tự nhiên và lối sống của dân tộc. Trong Bài 15 - Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc, chúng ta cùng trở về quá khứ để tìm hiểu những điều vô cùng đẹp đe và thiêng liêng này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2: Đời sống vật chất**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được đời sống vật chất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc có một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp (sống bằng nghề trồng lúa nước, trồng dâu nuôi tằm, chăn nuôi, đánh bắt cá); thủ công nghiệp phát triển (làm gốm, dệt vải,...); luyện kim, đúc đồng, rèn sắt phát triển; thức ăn là cơm nếp cơm tẻ; đi lại chủ yếu bằng thuyển, ở nhà sàn; trang phục ở nhà và đi lễ hội.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_1.png- GV yêu cầu HS quan sát Hình 15.1 giới thiệu cho HS về hình ảnh hoa văn trên mặt trống đồng, miêu tả đời sống sản xuất và sinh hoạt hàng ngày của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc: Hình ảnh nam nữ giã gạo, mặt trời, chim cò, hình trâu bò và kết hợp với đồ dựng bằng gốm và thạp đồng (hình 15.2,15.3) cho thấy ngành nông nghiệp trồng lúa nước đã trở thành một nghề chủ yếu, cố định của người Việt thời dựng nước. Người dân trồng lúa dưới ánh Mặt Trời, chim, cò tung bay ngoài đồng ruộng, đậu lên trên cả mái nhà, từng đôi nam nữ giã gạo trong mùa thu hoạch lúa.  **-** GV chia HS làm các nhóm, yêu cầu HS thảo luận, đọc nội dung mục I SHS trang 77, 78, 79 và trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 1: Em hãy miêu tả một số nét về đời sống vật chất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc theo bảng sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Người Văn Lang, Âu Lạc** | **Ăn** | **Mặc** | **Ở** | **Đi lại** | |  |  |  |  |  |   - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận theo nhóm, trả lời câu hỏi:  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_7.pngC:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_8.png**+ Quan sát các hình Hình 15.3, 15.5, em hãy cho biết cư dân Văn Lang, Âu Lạc sử dụng muôi đồng, thạp đồng để làm gì?    C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_9.png  + Quan sát Hình 15.7, em hãy cho biết người Lạc Việt thường sử dụng nhà sàn để làm gì?  **-** GV yêu cầu HS đọc mục Em có biết SHS trang 78 để hiểu hơn về hình ảnh, ý nghĩa của trống đồng Ngọc Lũ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS, nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức:  + Các ngành nghề sản xuất chính của cư dân Văn Lang, Âu Lạc: nông nghiệp và thủ công nghiệp.  + Hoạt động sản xuất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc: cuốc ruộng, cày ruộng, thu hoạch lúa, giã gạo, cất giữ lúa,...  + Một số công cụ lao động chủ yếu của thời Văn Lang, Âu Lạc: lưỡi hái (thu hoạch), cuốc, lưỡi cày (xới đất trồng lúa,...), rìu.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **1. Đời sống vật chất**  - Một số nét về đời sống vật chất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Người Văn Lang, Âu Lạc** | **Ăn** | **Mặc** | **Ở** | **Đi lại** | |  | - Thức ăn chính là cơm  tẻ, cơm nếp với thịt,  cá, cua, ốc, rau, dưa,  cà.., biết dùng gia vị,  làm bánh, nấu rượu,...  - Trong bữa ăn có  mâm, bát, muôi,... | Nữ mặc váy, nam  đóng khố, đi chân  đất. Khi có lễ hội,  nữ mặc áo và váy  đài, nam mặc áo và  quần dài, đầu chít  khăn cài lông chìm,  đeo trang sức,... | Họ làm nhà sàn ở  những vùng đất cao  ven sông để tránh  thú dữ. Nhà sàn  có mái cong hình  thuyền hay mái tròn  hình mui làm bằng  gỗ, tre, nứa, lá,... | Người dân  Văn Lang  sống ven các  dòng sông  lớn, phương  tiện đi lại chủ  yếu bằng  thuyền. |   - Cư dân Văn Lang, Âu Lạc sử dụng muôi đồng, thạp đồng để:  + Muôi đồng: chứng tỏ người Việt đã ăn cơm, biết sử dụng nhiều vật dụng gắp thức ăn.  + Thạp đồng: dùng để đựng lúa, chứng tỏ hạt lúa rất thiêng liêng nên cư dân đã trang trí thạp đồng rất công phu.  - Người Lạc Việt thường sử dụng nhà sàn vì: cư dân làm nhà ở những vùng đất cao ven sông, ven biển hoặc trên sườn đồi. Họ làm nhà sàn để tránh thú dữ. Nhà có mái cong hình thuyền hoặc mái tròn hình mui thuyền. |

**Hoạt động 3: Đời sống tinh thần**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc có một số đặc điểm nổi bật: thờ cúng tổ tiên, mộ người giàu thường chôn theo những trang sức quý giá, nhuộm răng đen, xăm mình, tổ chức lễ hội...

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao NV học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 15.8, 15.9 thảo luận theo cặp và cho biết tư liệu lịch sử này nói lên điều gì?  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_12.png  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_13.png  - GV yêu cầu HS đọc thông tin mục II SHS trang 79, 80, trả lờicâu hỏi: Em hãy cho biết những điểm nổi bật trong đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?  **-** GV mở rộng kiến thức: Ngoài những điểm nổi bật nêu trên, cư dân Văn Lang, Âu Lạc còn có thói quen ăn trầu.  + Một số câu ca dao có liên quan đến tục ăn trầu của người xưa như: Yêu nhau cau sáu bổ ba/Ghét nhau cau sáu bổ ba thành mười; Miếng trầu là đầu câu chuyện.  + Truyền thuyết liên quan đến tục ăn trầu của cư dân Văn Lang, Âu Lạc là Sự tích trầu cau: Vào đời vua Hùng Vương thứ tư, có hai anh em Tân và Lang rất thương yêu nhau. Tân sau khi có vợ thì không còn chăm sóc đến em như trước nữa. Lang lấy làm buồn rầu và bỏ nhà ra đi. Tới bên bờ suối thì Lang mệt quá, gục xuống chết và hóa thành tảng đá vôi. Tân, không thấy em về, vì thương em nên quyết đi tìm. Đi đến bờ suối thì Tân mệt lả và chết, biến thành cây cau bên tảng đá vôi. Vợ Tân không thấy chồng cũng bỏ đi tìm. Nàng tìm đến bờ suối, ngồi dựa vào thân cau mà chết, biến thành dây trầu không. Trầu, cau và vôi khi quyện lại với nhau tạo ra sắc đỏ như máu nên sau có vua Hùng Vương đi tuần qua đó, nghe thấy câu chuyện trên mà dạy cho dân Việt hãy dùng ba thứ vôi, cau và trầu làm biểu tượng tình nghĩa thắm thiết anh em, vợ chồng. Ngôi đền thờ ba người hiện nay là đền Tam Khương ở làng Nam Hoa, huyện Nam Đàn (Nghệ An) mà các triều đại phong kiến vẫn có sắc phong tặng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Đời sống tinh thần**  - Tư liệu lịch sử Hình 15.8, 15.9:  + Chim bay theo thuyền Đông Sơn là hình ảnh dạt dào cảm xúc được khắc hoạ trên thạp đồng Đào Thịnh. Những hoạt động quan sát được: nhảy múa, chèo thuyền, giao long, chim bay, người đóng khố, váy, mũ lông chim,... làm bật lên những nét truyền thống và văn hoá lâu đời của người Việt cổ. Hình ảnh các loài chim thể hiện cho sự sùng bái thiên nhiên với quan niệm chim chính là tổ tiên của loài người. Ở phía đầu hoặc đuôi thuyền là những con chim hoặc thú bốn chân đang đứng. Xen giữa hai thuyền là những con vật khắc hoạ hình giao long.  + Hình ảnh, hoa văn cho thấy sự hồn hậu, chất phác, hoà mình cùng thiên nhiên, thích ứng với tự nhiên một cách văn minh.  *-* Những điểm nổi bật trong đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc:  + Cư dân Văn Lang, Âu Lạc có tục thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần trong tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời... Người chết được chôn cắt trong thạp, bình, mộ thuyền, mộ cây. Mộ của người giảu có thường chôn theo những công cụ và đồ trang sức quý giá.  + Có khiếu thẩm mĩ riêng như nhuộm răng đen, xăm mình, không chỉ để tránh bị thuỷ quái làm hại mà còn là một cách làm đẹp; phong tục này được duy trì cho đến thể kỉ XIII - XIV.  + Trong những ngày lễ hội, họ thường tổ chức vui chơi, đấu vật, đua thuyền, nhảy múa, ca hát bên tiếng khèn, sáo, trống, chiêng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi lý thuyết .

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SHS trang 80:* Bảng dưới đây là những công cụ lao động thuộc thời kì văn hóa Đông Sơn. Theo em, những công cụ đó được dùng để làm gì trong hoạt động sản xuất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình công cụ | **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_17.pngLưỡi cuốc** | **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_18.pngLiềm** | **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_19.pngRìu** |
| Tên hoạt động |  |  |  |

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hình công cụ | **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_17.pngLưỡi cuốc** | **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_18.pngLiềm** | **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_19.pngRìu** |
| Tên hoạt động | Cuốc đất làm ruộng | Gặt lúa | Chặt cây, xới đất |

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SHS, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 80:* Những phong tục nào trong văn hóa Việt Nam hiện nay được kế thừa từ thời Văn Lang, Âu Lạc?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Những phong tục trong văn hóa Việt Nam hiện nay được kế thừa từ thời Văn Lang, Âu Lạc: trầumn cau vẫn giữ trong phong tục cưới xin; làm bánh chưng, bánh giầy tưởng nhớ tổ tiên (đặc biệt trong những ngày Tết); phong tục coi trọng người chết (chôn cất,...). Tục xăm mình không được coi là phong tục hiện nay vì nó không phản ánh nền nếp xã hội và không được cộng đồng chấp nhận.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

*Ngày 12 tháng 1 năm 2023*

*Kí duyệt*

*Lê Minh Khánh*